

BÁO CÁO

Rà soát, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 lĩnh vực bố trí dân cư và dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và PTNT

Thực hiện Văn bản số 2716/BNN-KTHT ngày 20/4/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc rà soát, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 lĩnh vực bố trí dân cư và di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.

Trên cơ sở tổng hợp của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh Bình Định xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 lĩnh vực bố trí dân cư và di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Lĩnh vực bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ

a) Mục tiêu chung:

- Từ nay đến năm 2025, ưu tiên tiến hành bố trí dân cư đang trong vùng có nguy cơ sạt lở bờ sông, bờ biển, sạt lở núi phải di dời khẩn cấp; tiếp tục bố trí tái định cư cho số hộ dân thuộc các dự án đã và đang thực hiện trong giai đoạn 2016-2020; đồng thời triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ dân sinh (ổn định tại chỗ và các hộ di dân xen ghép).

- Gắn kết với Chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo, Chương trình Nông thôn mới giải quyết việc làm, từng bước ổn định đời sống các hộ dân sau tái định cư tiến tới hình thành các điểm dân cư mới có đầy đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội; góp phần bảo vệ môi trường, giữ vững an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh.

b) Kết quả thực hiện bố trí, sắp xếp ổn định dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 trong giai đoạn trung hạn 2016-2020

- Số dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư là 12 dự án, trong đó:

+ Đã hoàn thành 07 dự án (04 dự án tập trung, 03 phương án xen ghép).

+ Đang thực hiện dở dang 05 dự án (04 dự án tập trung, 01 phương án xen ghép).

- Số hộ đã bố trí ổn định 654 hộ vùng thiên tai trên tổng số 1.021 hộ theo kế hoạch đạt tỷ lệ 64,05%. Trong đó, giai đoạn 2016-2020 đã bố trí ổn định 291 hộ.

(Chi tiết tổng hợp theo phụ lục I đính kèm)

- Vốn thực hiện đầu tư:

+ Tổng nhu cầu vốn được phê duyệt các dự án đầu tư bố trí dân cư 296,383 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương 186,948 tỷ đồng, (vốn đầu tư phát triển 165,128 tỷ đồng, vốn sự nghiệp kinh tế 21,820 tỷ đồng); Ngân sách địa phương 109,435 tỷ đồng.

+ Tổng vốn đã bố trí thực hiện các dự án 94,69 tỷ đồng, đạt 31,94% (ngân sách Trung ương 56,09 tỷ đồng, ngân sách địa phương: 38,6 tỷ đồng); cơ cấu vốn đầu tư phát triển 83,2 tỷ đồng, vốn sự nghiệp kinh tế 11,49 tỷ đồng.

+ Tổng vốn đã giải ngân: 80,69 tỷ đồng, (ngân sách Trung ương 55,09 tỷ đồng, ngân sách địa phương 25,6 tỷ đồng); cơ cấu nguồn vốn đầu tư phát triển 43,69 tỷ đồng, vốn sự nghiệp kinh tế 8,8 tỷ đồng.

(Chi tiết tổng hợp theo phụ lục II đính kèm)

2. Lĩnh vực di dân tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện: Không

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt được:

- Được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, chỉ đạo của UBND tỉnh, sự phối hợp có hiệu quả của các ngành, các cấp và cán bộ, nhân dân các vùng có nguy cơ thiên tai đã chủ động khắc phục khó khăn thực hiện cơ bản hoàn thành các dự án tái định cư dân vùng thiên tai từ năm 2016-2020.

- Cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các dự án tái định cư cơ bản xây dựng tương đối đồng bộ, phù hợp với nguyện vọng của cán bộ, nhân dân vùng dự án và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Thực hiện công khai minh bạch, việc xét chọn hộ và cấp phát chế độ hỗ trợ di dời dân kịp thời, đúng đối tượng đã khuyến khích các hộ gia đình ảnh hưởng thiên tai di dời nhanh đến nơi ở mới, ổn định sản xuất và đời sống.

- Xây dựng và phát triển các vùng dự án từng bước hình thành các khu dân cư mới làm thay đổi bộ mặt nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới. Đảng bộ, chính quyền địa phương và nhân dân vùng dự án đồng tình ủng hộ.

- Phối hợp, lồng ghép các nguồn vốn các chương trình, dự án trên địa bàn xây dựng các đoạn đê, kè ổn định sản xuất đời sống cho người dân ở một số xã thường xuyên bị ngập lũ thuộc các huyện: Tuy Phước, An Nhơn, Tây Sơn, Hoài Ân và thị xã Hoài Nhơn.

2. Tồn tại và nguyên nhân:

a) Một số tồn tại:

- Tiến độ thực hiện một số dự án còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu thực tế.
- Một số dự án bố trí dân cư thực hiện kéo dài, chưa đảm bảo đủ điều kiện phục vụ sản xuất, đời sống của người dân, nhiều điểm dân cư ở khu vực có nguy cơ cao chưa được di dời đến nơi ở mới.
- Công tác giải phóng, san lấp mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật chậm so với tiến độ.
- Một số nơi dân đã đến khu tái định cư nhưng còn thiếu các công trình hạ tầng phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

b) Nguyên nhân:

- Nhận thức về nguy cơ thiên tai của người dân còn chủ quan, mặt khác cuộc sống, nghề nghiệp đã gắn liền với nơi ở cũ từ lâu đời nên một số ít hộ dân còn chưa di dời đến nơi ở mới.
- Đội ngũ cán bộ làm công tác bố trí dân cư ở các xã, huyện đều kiêm nhiệm và chưa được đào tạo cơ bản, thiếu kinh nghiệm thực tiễn nên trong quá trình tổ chức thực hiện bố trí dân cư trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn.
- Ngân sách Trung ương bố trí vốn theo kế hoạch hàng năm còn hạn chế kéo dài từ 3 đến 4 năm.

III. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN LĨNH VỰC BTDC, SẮP XẾP ỔN ĐỊNH DÂN CƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu và định hướng đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025

a) Mục tiêu cụ thể:

Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2021-2025 cần bố trí ổn định 2.919 hộ, trong đó: giai đoạn 2016-2020 (chuyển tiếp 5 dự án) thực hiện bố trí ổn định 675 hộ. Hình thức bố trí: tập trung 657 hộ, xen ghép 18 hộ; xây dựng mới 15 dự án; bố trí ổn định 2.244 hộ. Hình thức bố trí: tập trung 1.284 hộ, xen ghép 100 hộ và ổn định tại chỗ 860 hộ.

b) Định hướng:

Hoàn thành công tác bố trí dân cư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhằm ổn định và nâng cao đời sống, sản xuất của người dân, hạn chế mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai; giải quyết việc làm tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

2. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

- Các dự án bố trí dân cư vùng thiên tai, có nguy cơ cao thiệt hại đến tính mạng và tài sản của người dân; các dự án chuyển tiếp để phát huy hiệu quả vốn đã đầu tư giai đoạn trước.
- Xây dựng các dự án bố trí dân cư phải phù hợp với thực tế với quá trình phát triển của địa phương, đảm bảo chất lượng và tính đồng thuận của cộng đồng, chống thất thoát, lãng phí.

- Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, quy hoạch ngành và các quy hoạch khác có liên quan.

3. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 bố trí, sắp xếp ổn định dân cư

Trên cơ sở nguyên tắc xác định thứ tự ưu tiên các dự án, lựa chọn các dự án ưu tiên năm 2020 và giai đoạn 2021-2025; các dự án (chuyên tiếp và phê duyệt mới) bố trí ổn định cho 675 hộ (năm 2020) và 2.244 hộ (giai đoạn 2021-2025); số dự án 23 dự án; tổng mức vốn đầu tư giai đoạn là 538.086 triệu đồng, trong đó:

- Dự án dở dang: 05 dự án (chuyên tiếp), cần đầu tư để hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025; tổng mức vốn đầu tư là 147.406 triệu đồng;

- Dự án mở mới: 15 dự án; gồm: 10 dự án tập trung; 02 phương án xen ghép và 03 dự án ổn định tại chỗ; các dự án mới bố trí ổn định cho 2.244 hộ; 18 điểm dân cư; tổng mức đầu tư 390.680 triệu đồng.

(Chi tiết tổng hợp theo phụ lục IV đính kèm)

- Phân kỳ đầu tư thực hiện trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 538.086 tỷ đồng, trong đó:

+ Năm 2021: 155.180 tỷ đồng (28,84%)

+ Năm 2022: 119.906 tỷ đồng (22,28%)

+ Năm 2023: 107.400 tỷ đồng (19,96%)

+ Năm 2024: 94.600 tỷ đồng (17,58%)

+ Năm 2025: 61.000 tỷ đồng (11,34%)

(Chi tiết tổng hợp theo phụ lục V đính kèm)

4. Một số giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 bố trí, ổn định dân cư

a) Bố trí ổn định dân cư

- Số điểm dân cư bố trí: 23 điểm.

- Số hộ: 2.919 hộ.

- Tiêu chí điểm dân cư:

+ Thuận lợi đường giao thông, liền vùng có cơ sở hạ tầng thiết yếu để phục vụ nhân dân.

+ Đối với các xã, thôn nhận hộ dân đến ở xen ghép được hỗ trợ kinh phí để thực hiện các việc: Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất để giao cho các hộ mới đến, xây dựng mới hoặc nâng cấp một số công trình hạ tầng thiết yếu, do UBND cấp xã quyết định theo thứ tự ưu tiên và phù hợp với thực tế.

- Địa bàn bố trí, ổn định dân cư: Trong nội vùng dự án.

- Hình thức bố trí : Tập trung, xen ghép và ổn định tại chỗ.

b) Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sinh hoạt và sản xuất của nhân dân

Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp đất ở tại điểm tái định cư; giao thông nội vùng và liên vùng; hệ thống đường dây trung thế, hạ thế, trạm điện; hệ thống nước sinh hoạt và các công trình phúc lợi công cộng khác.

c) Khái toán tổng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: 538.086 tỷ đồng, trong đó:

| | |
|--------------------------|--------------------------|
| - Ngân sách Trung ương: | 380.820 tỷ đồng (70,77%) |
| + Vốn đầu tư phát triển: | 333.740 tỷ đồng |
| + Vốn sự nghiệp kinh tế: | 47.080 tỷ đồng |
| - Ngân sách địa phương: | 157.266 tỷ đồng (29,23%) |
| + Vốn đầu tư phát triển: | 157.266 tỷ đồng |

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Năm (05) dự án dở dang (chuyên tiếp), cần đầu tư để hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 nhằm phát huy hiệu quả vốn đầu tư và bố trí, ổn định dân cư.

Đầu tư xây dựng mới 15 dự án (10 dự án tập trung, 02 phương án xen ghép, 03 dự án ổn định tại chỗ) để giải quyết các hộ vùng nguy cơ thiên tai..

Trên đây là báo cáo xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 lĩnh vực bố trí dân cư và di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Kinh tế hợp tác và PTNT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

Phụ lục I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SỐ HỘ BỐ TRÍ, SẮP XẾP ỔN ĐỊNH DÂN CƯ TRONG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2016-2020

ĐVT: hộ

| STT | Danh mục | Kết quả thực hiện bố trí dân cư giai đoạn 2016-2020 (hộ) | Trong đó (hộ) | | | | | Ghi chú |
|------------|--|---|---------------|-------------|-------------|-------------|------------|---------|
| | | | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | |
| | TỔNG SỐ | 291 | 88 | 50 | 41 | 12 | 100 | |
| <i>1</i> | TẬP TRUNG: | 231 | 56 | 34 | 39 | 12 | 90 | |
| <i>2</i> | XEN GHÉP: | 60 | 32 | 16 | 2 | | 10 | |
| <i>3</i> | ỔN ĐỊNH TẠI CHỖ: | 0 | | | | | | |
| | <u>Trong đó:</u> | 0 | | | | | | |
| I | Bố trí dân cư vùng thiên tai | 291 | 88 | 50 | 41 | 12 | 100 | |
| <i>1</i> | <i>Tập trung</i> | 231 | 56 | 34 | 39 | 12 | 90 | |
| <i>2</i> | <i>Xen ghép</i> | 60 | 32 | 16 | 2 | | 10 | |
| <i>3</i> | <i>Ổn định tại chỗ</i> | | | | | | | |
| II | Bố trí dân cư vùng đặc biệt khó khăn | | | | | | | |
| <i>1</i> | <i>Tập trung</i> | | | | | | | |
| <i>2</i> | <i>Xen ghép</i> | | | | | | | |
| <i>3</i> | <i>Ổn định tại chỗ</i> | | | | | | | |
| III | Bố trí dân cư biên giới | | | | | | | |
| <i>1</i> | <i>Tập trung</i> | | | | | | | |
| <i>2</i> | <i>Xen ghép</i> | | | | | | | |
| <i>3</i> | <i>Ổn định tại chỗ</i> | | | | | | | |
| IV | Bố trí dân cư các Đảo | | | | | | | |
| V | Bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do | | | | | | | |
| <i>1</i> | <i>Tập trung</i> | | | | | | | |
| <i>2</i> | <i>Xen ghép</i> | | | | | | | |
| <i>3</i> | <i>Ổn định tại chỗ</i> | | | | | | | |
| VI | Bố trí dân cư khu rừng đặc dụng | | | | | | | |

Phụ lục IV

ĐỀ XUẤT DANH MỤC DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ BỐ TRÍ, SẮP XẾP ỔN ĐỊNH DÂN CƯ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

| STT | Danh mục dự án, phương án | Số dự án (dự án) | Địa điểm xây dựng | Số điểm dân cư (điểm) | Số QĐ, ngày, tháng, năm phê duyệt | Thời gian KC - HT | Quy mô (hộ) | Vốn được duyệt (tỷ đồng) | | | | Lũy kế đầu tư đến hết năm 2020 | | | | | | Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 | | | | | | | | |
|----------|--|------------------|-------------------|-----------------------|--|-------------------|--------------|--------------------------|----------------|---------------|----------------|--------------------------------|----------------------------------|-----------------------|--------------------|---------------|--------------|--|----------|-----------------------------------|-----------------------|--------------------|----------------|---------------|----------------|----------|
| | | | | | | | | Tổng vốn (tỷ đồng) | NSTW | | NSDP+Vốn khác | | Lũy kế số hộ bố trí ổn định (hộ) | Số điểm dân cư (điểm) | Tổng vốn (tỷ đồng) | NSTW | | NSDP+Vốn khác | | Dự kiến số hộ bố trí ổn định (hộ) | Số điểm dân cư (điểm) | Tổng vốn (tỷ đồng) | NSTW | | NSDP+Vốn khác | |
| | | | | | | | | | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT | | | | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT | | | | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT |
| | TỔNG SỐ | | | 23 | | | 2.511 | 498.102 | 281.048 | 44.240 | 172.814 | 0 | 84 | 4 | 85.340 | 29.560 | 2.180 | 53.600 | 0 | 2.919 | 23 | 538.086 | 333.740 | 47.080 | 157.266 | 0 |
| | DỰ ÁN BTDC VÙNG THIÊN TAI | | | 23 | | | 2.511 | 498.102 | 281.048 | 44.240 | 172.814 | - | 84 | 4 | 85.340 | 29.560 | 2.180 | 53.600 | - | 2.919 | 23 | 538.086 | 333.740 | 47.080 | 157.266 | - |
| A | DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT, CHUYỂN TIẾP THỰC HIỆN GD 2021-2025 | | | 5 | | | 711 | 264.302 | 134.048 | 20.440 | 109.814 | 0 | 84 | 4 | 85.340 | 29.560 | 2.180 | 53.600 | 0 | 675 | 5 | 147.406 | 83.140 | 14.400 | 49.866 | 0 |
| 1 | Dự án TĐC Bàu Rong, TT Bồng Sơn, Hoài Nhơn | 1 | TT Bồng Sơn | 1 | 2519/QĐ-UBND ngày 04/8/14 và 2544/QĐ-UBND ngày 18/7/17 | 2015-2019 | 160 | 76.772 | 32.423 | 3.200 | 41.149 | | 34 | 1 | 35.840 | 14.560 | 680 | 20.600 | | 126 | 1 | 40.932 | 17.863 | 2.520 | 20.549 | |
| 2 | Dự án TĐC Nhơn Hải Mở rộng, TPQuy Nhơn | 1 | xã Nhơn Hải | 1 | 3585/QĐ-UBND ngày 29/10/14 | 2015-2017 | 213 | 46.956 | 21.348 | 4.260 | 21.348 | | 20 | 1 | 15.400 | | 400 | 15.000 | | 193 | 1 | 31.556 | 21.348 | 3.860 | 6.348 | |
| 3 | Dự án TĐC Vinh Quang, xã Phước Sơn, Tuy Phước | 1 | xã Phước Sơn | 1 | 2094/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 | 2019-2021 | 282 | 75.538 | 48.929 | 5.640 | 20.969 | | 0 | | 15.000 | 15.000 | | | | 282 | 1 | 60.538 | 33.929 | 5.640 | 20.969 | |
| 4 | Phương án xen ghép xã Cát Nhơn | 1 | xã Cát Nhơn | 1 | 4772/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 | 2016-2017 | 28 | 1.960 | | 1.960 | | | 10 | 1 | 700 | | 700 | | | 18 | 1 | 1.260 | 0 | 1.260 | 0 | |

| STT | Dan h mục dự án, phương án | Số dự án (dự án) | Địa điểm xây dựng | Số điểm dân cư (điểm) | Số QĐ, ngày, tháng, năm phê duyệt | Thời gian KC - HT | Quy mô (hộ) | Vốn được duyệt (tỷ đồng) | | | | Lũy kế đầu tư đến hết năm 2020 | | | | | | Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 | | | | | | | | |
|----------|---|------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------------------|-------------------|--------------|--------------------------|----------------|---------------|---------------|--------------------------------|----------------------------------|-----------------------|--------------------|----------|----------|--|----------|-----------------------------------|-----------------------|--------------------|----------------|---------------|----------------|----------|
| | | | | | | | | Tổng vốn (tỷ đồng) | NSTW | | NSDP+Vốn khác | | Lũy kế số hộ bố trí ổn định (hộ) | Số điểm dân cư (điểm) | Tổng vốn (tỷ đồng) | NSTW | | NSDP+Vốn khác | | Dự kiến số hộ bố trí ổn định (hộ) | Số điểm dân cư (điểm) | Tổng vốn (tỷ đồng) | NSTW | | NSDP+Vốn khác | |
| | | | | | | | | | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT | | | | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT | | | | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT |
| 5 | Dự án TĐC di dời dân vùng sạt lở Núi Gành, thôn Đức Phó 1, xã Cát Minh, Phù Cát | 1 | xã Cát Minh | 1 | 1268/UBND-KT ngày 04/3/2020 | 2020-2021 | 56 | 16.120 | 10.000 | 1.120 | 5.000 | | 0 | | 3.000 | | 0 | 3.000 | | | 56 | 1 | 13.120 | 10.000 | 1.120 | 2.000 |
| B | DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN MỞ MỐI THỰC HIỆN GD 2021-2025 | | | 18 | | | 1.800 | 233.800 | 147.000 | 23.800 | 63.000 | - | - | - | - | - | - | - | - | 2.244 | 18 | 390.680 | 250.600 | 32.680 | 107.400 | - |
| I | Dự án tập trung | | | 10 | | | 840 | 141.800 | 87.500 | 16.800 | 37.500 | - | - | - | - | - | - | - | - | 1.284 | 10 | 298.680 | 191.100 | 25.680 | 81.900 | - |
| 1 | Dự án TĐC vùng thiên tai xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ | | xã Mỹ Thắng | 1 | | 2021-2022 | 250 | 40.000 | 24.500 | 5.000 | 10.500 | | | | | | | | | 250 | 1 | 40.000 | 24.500 | 5.000 | 10.500 | |
| 2 | Dự án TĐC vùng thiên tai xã Mỹ Thọ, (giai đoạn 2) huyện Phù Mỹ | | xã Mỹ Thọ | 1 | | 2022-2023 | 250 | 40.000 | 24.500 | 5.000 | 10.500 | | | | | | | | | 250 | 1 | 40.000 | 24.500 | 5.000 | 10.500 | |
| 3 | Dự án TĐC vùng thiên tai xã Mỹ Đức (giai đoạn 2) huyện Phù Mỹ | | xã Mỹ Đức | 1 | | 2023-2025 | 250 | 40.000 | 24.500 | 5.000 | 10.500 | | | | | | | | | 250 | 1 | 40.000 | 24.500 | 5.000 | 10.500 | |
| 4 | Dự án TĐC vùng thiên tai xã Ân Hữu, huyện Phù Mỹ | | xã Ân Hữu | 1 | | 2024-2025 | 90 | 21.800 | 14.000 | 1.800 | 6.000 | | | | | | | | | 90 | 1 | 21.800 | 14.000 | 1.800 | 6.000 | |
| 5 | Dự án khu tái định cư xã Cát Tiến, huyện Phù Cát (mở rộng) | | xã Cát Tiến | 1 | | 2021-2022 | | | | | | | | | | | | | | 53 | 1 | 19.060 | 12.600 | 1.060 | 5.400 | |
| 6 | Dự án Khu giãn dân thôn 3, thôn 5, xã An Vinh, huyện An Lão | | xã An Vinh | 1 | | 2021-2022 | | | | | | | | | | | | | | 40 | 1 | 10.800 | 7.000 | 800 | 3.000 | |
| 7 | Dự án khu tái định cư Cầu Gành, Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn | | xã Nhơn Hòa | 1 | | 2021-2022 | | | | | | | | | | | | | | 21 | 1 | 12.420 | 8.400 | 420 | 3.600 | |
| 8 | Dự án khu tái định cư Tân Dân, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn | | xã Nhơn An | 1 | | 2023-2025 | | | | | | | | | | | | | | 200 | 1 | 64.000 | 42.000 | 4.000 | 18.000 | |

| STT | Dan h mục dự án, phương án | Số dự án (dự án) | Địa điểm xây dựng | Số điểm dân cư (điểm) | Số QĐ, ngày, tháng, năm phê duyệt | Thời gian KC - HT | Quy mô (hộ) | Vốn được duyệt (tỷ đồng) | | | | Lũy kế đầu tư đến hết năm 2020 | | | | | | Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 | | | | | | | | |
|------------|---|------------------|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-------------------|-------------|--------------------------|----------|----------|---------------|--------------------------------|----------------------------------|-----------------------|--------------------|----------|----------|--|----------|-----------------------------------|-----------------------|--------------------|----------|----------|---------------|----------|
| | | | | | | | | Tổng vốn (tỷ đồng) | NSTW | | NSDP+Vốn khác | | Lũy kế số hộ bố trí ổn định (hộ) | Số điểm dân cư (điểm) | Tổng vốn (tỷ đồng) | NSTW | | NSDP+Vốn khác | | Dự kiến số hộ bố trí ổn định (hộ) | Số điểm dân cư (điểm) | Tổng vốn (tỷ đồng) | NSTW | | NSDP+Vốn khác | |
| | | | | | | | | | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT | | | | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT | | | | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT | Vốn ĐTPT | Vốn SNKT |
| 9 | Dự án khu tái định cư xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh (Dự án nâng cấp hồ chứa nước Định Bình) | | xã Vĩnh Kim | 1 | | 2023-2024 | | | | | | | | | | | | 20 | 1 | 12.400 | 8.400 | 400 | 3.600 | | | |
| 10 | Dự án khu tái định cư Canh Thuận, huyện Vân Canh (Dự án xây dựng hồ chứa nước Suối Lớn) | | xã Canh Thuận | 1 | | 2023-2025 | | | | | | | | | | | | 110 | 1 | 38.200 | 25.200 | 2.200 | 10.800 | | | |
| II | Phương xen ghép | | | 5 | | | 100 | 7.000 | 7.000 | - | - | - | - | - | - | - | - | 100 | 5 | 7.000 | 7.000 | - | - | | | |
| 2.1 | Phương án xen ghép huyện Hoài Ân | | xã Ân Hào Đông, Ân Hào Tây, Ân Mỹ | 3 | | 2021-2022 | 50 | 3.500 | 3.500 | | | | | | | | | 50 | 3 | 3.500 | 3.500 | | | | | |
| 2.2 | Phương án xen ghép huyện An Lão | | xã An Nghĩa, An Quang | 2 | | 2021-2022 | 50 | 3.500 | 3.500 | | | | | | | | | 50 | 2 | 3.500 | 3.500 | | | | | |
| III | Ổn định tại chỗ | | | 3 | | | 860 | 85.000 | 59.500 | - | 25.500 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 860 | 3 | 85.000 | 59.500 | 0 | 25.500 | | | |
| 1 | Dự án ổn định tại chỗ cho dân vùng thiên tai khu vực Nhơn Thuận, P Nhơn Thành, thị xã An Nhơn | | Phường Nhơn Thành | 1 | | 2021-2022 | 300 | 30.000 | 21.000 | | 9.000 | | | | | | | 300 | 1 | 30.000 | 21.000 | | 9.000 | | | |
| 2 | Dự án ổn định tại chỗ cho dân vùng thiên tai thôn Phổ Trạch, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước | | xã Phước Thuận | 1 | | 2022-2023 | 460 | 30.000 | 21.000 | | 9.000 | | | | | | | 460 | 1 | 30.000 | 21.000 | | 9.000 | | | |
| 3 | Dự án ổn định tại chỗ cho dân vùng thiên tai xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh | | xã Vĩnh Thịnh | 1 | | 2024-2025 | 100 | 25.000 | 17.500 | | 7.500 | | | | | | | 100 | 1 | 25.000 | 17.500 | | 7.500 | | | |

